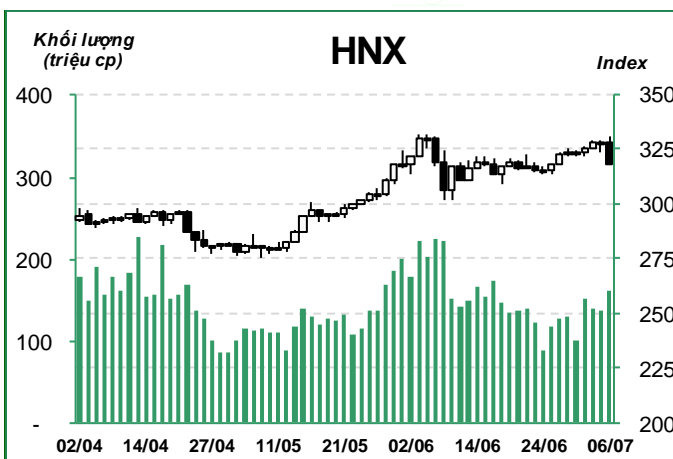
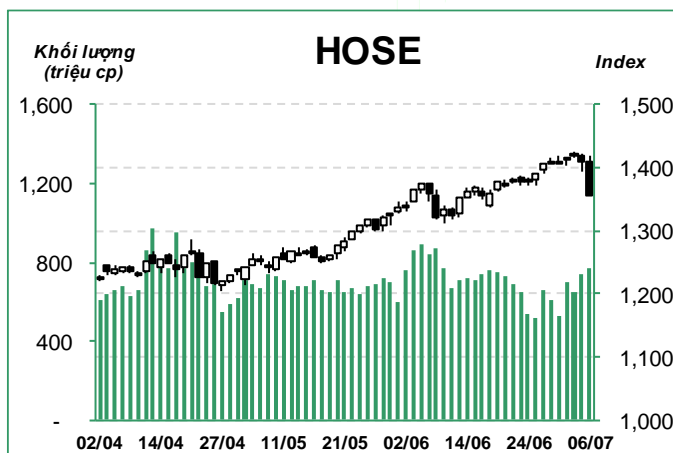


Tổng quan thị trường

06/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,354.79	-3.99%	1,488.42	-4.43%	318.51	-2.82%
Cuối tuần trước	1,420.27	-4.61%	1,554.59	-4.26%	328.01	-2.90%
Trung bình 20 ngày	1,385.31	-2.20%	1,500.02	-0.77%	319.97	-0.45%
Tổng KLGD (triệu cp)	803.16	-1.73%	306.24	-5.58%	167.52	16.71%
KLGD khớp lệnh	773.51	4.03%	298.84	-3.41%	160.24	15.87%
Trung bình 20 ngày	674.36	14.70%	229.21	30.38%	136.73	17.19%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	28,673.14	2.27%	16,470.59	-2.70%	4,135.71	22.73%
GTGD khớp lệnh	26,944.00	8.28%	15,682.64	-0.54%	3,987.38	19.90%
Trung bình 20 ngày	21,234.75	26.89%	11,886.25	31.94%	3,229.53	23.47%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	59	14%	3	10%	57	16%
Số mã giảm	350	82%	26	87%	176	48%
Số mã đứng giá	19	4%	1	3%	134	37%



Tường chừng như thị trường sẽ phục hồi trở lại trong phiên giao dịch hôm nay khi các chỉ số đồng loạt tăng điểm và duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch. Tuy nhiên, bất ngờ đã xảy ra vào cuối phiên khi áp lực bán từ từ tăng cao và đỉnh điểm là phiên ATC với nhiều cổ phiếu trụ đồng loạt giảm sàn và giảm sâu. Qua đó phát đi tín hiệu thị trường đã đánh mất xu hướng tăng hiện tại và có khả năng tiếp tục điều chỉnh trong thời gian tới.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index giảm hơn 56 điểm và đóng cửa thấp nhất phiên mức 1,354.79 điểm (-3.99%). Áp lực bán gia tăng đẩy thanh khoản thị trường tăng cao so với mức trung bình. KLGD khớp lệnh đạt 773.5 triệu cổ phiếu (+4.0%), tương đương 26,944 tỷ đồng giá trị (+8.3%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về chiều hướng tiêu cực với 59 mã tăng/350 mã giảm. Trong đó có đến 56 mã giảm sàn.

Phiên ATC ghi nhận tình trạng bán bất chấp trên diện rộng. Trong đó, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giảm mạnh với nhiều mã nằm sàn hoặc gần sàn như Vinhomes-VHM (-6.9%), Hòa Phát-HPG (-6.3%), Techcombank-TCB (-6.9%), Vietinbank-CTG (-6.9%) hay PV Gas-GAS (-6.7%). Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu giữ được sắc xanh khởi sắc là Novaland-NVL (+1.7%), Vietjet Air-VJC (+0.8%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+0.6%).

Trái ngược với động thái bán tháo ồ ạt của dòng tiền nội, khối ngoại mua ròng trở lại trên sàn HoSE, đạt giá trị 46.5 tỷ đồng. Với những cổ phiếu được mua ròng chủ yếu như Vinhomes-VHM (+86.4 tỷ), Vietcombank-VCB (+76.0 tỷ), MBBank-MBB (+61.7 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG bị bán ròng nhiều nhất với 115.5 tỷ. Tiếp theo lần lượt là VPBank-VPB (-91.8 tỷ), Vinamilk-VNM (-39.4 tỷ) và Vietinbank-CTG (-25.8 tỷ)

Trên sàn HNX, HNX-Index cũng có diễn biến tương tự khi bắt ngờ lao dốc vào cuối phiên và đóng cửa tại mức 318.51 điểm

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MWG	2,053.3	365.29
EIB	2,430.0	73.90
KBC	1,000.0	41.00
E1VFN30	1,410.0	36.27
CTG	525.0	27.21
AAA	1,258.8	21.78
AGG	390.0	18.72
HVN	592.0	16.07
VPI	300.0	10.50
ACB	160.7	6.38
HNX		
DNP	4,595.0	87.87
SZB	592.4	21.18
IDC	295.8	10.88
VMC	802.0	9.14
LHC	68.0	4.96
SHN	389.0	4.71
NRC	130.0	2.60
PVS	88.0	2.14
SPI	100.0	1.74
DPC	115.0	1.67

(-2.82%). Thanh khoản cũng tăng mạnh với KLGD khớp lệnh đạt 160.2 triệu cổ phiếu (+15.9%), tương đương 3,987.4 tỷ đồng giá trị (+19.9%).

Dẫn đầu đà giảm trên sàn HNX là nhóm chứng khoán với một loạt các cổ phiếu nằm sàn cuối phiên như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-9.9%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội - SHS (-9.8%), Chứng khoán MB-MBS (-9.8%), Chứng khoán BIDV-BSI (-9.8%). Thêm vào đó, một loạt những cổ phiếu trụ ở nhiều nhóm ngành khác cũng lần lượt bị bán tháo mạnh gây áp lực cho chỉ số, tiêu biểu có thể kể đến như Thaiholdings-THD (-1.4%), Dầu khí PTSC-PVS (-7.4%), Vicostone-VCS (-3.6%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-6.7%). Ở chiều ngược lại, vẫn xuất hiện một số cổ phiếu midcap đơn lẻ thu hút được dòng tiền như Phát triển Công nghiệp Bảo Thư-BII (+9.9%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+1.2%) hay Hãng sơn Đông Á-HDA (+7.3%).

Khối ngoại duy trì áp lực bán trên sàn HNX khi bán ròng với giá trị 13.6 tỷ đồng (-12.3%). Trong đó, phần lớn lượng bán ròng này đến từ cổ phiếu Chứng khoán VNDIRECT-VND (-35.7 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất lần lượt là Thaiholdings-THD (+7.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+6.8 tỷ), Vicostone-VCS (+2.6 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm mạnh. Khối lượng giao dịch gia tăng và giữ trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời khá mạnh. Không những vậy, chỉ số lao xuống dưới MA20, cùng với đường -DI cắt lên +DI cho thấy xu hướng tăng có tín hiệu kết thúc và rủi ro đảo chiều xu hướng quay lại giảm điểm đang tăng cao. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác đang chuyển sang trạng thái tiêu cực, như MACD cắt xuống Signal cho tín hiệu xác nhận bán và RSI lao xuống vùng 46, cho thấy áp lực điều chỉnh tăng lên, chỉ số có thể chịu sức ép về vùng hỗ trợ quanh 1,320 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số không thể vượt qua vùng đỉnh 330 điểm và chịu áp lực chốt lời đã đẩy chỉ số cắt xuống dưới MA20, cùng với khối lượng tăng cao, cho thấy xu hướng giảm đang quay lại. Chỉ số có thể suy giảm về vùng 300 – 305 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường đang phát đi tín hiệu đảo chiều xu hướng. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp hồi trong phiên để đưa danh mục về tỷ trọng an toàn nhằm tránh các rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FUEMAV30	19.6	55.9	6.9%
CIG	6.2	101.5	6.9%
SGT	23.3	653.6	6.9%
RDP	10.1	216.9	6.7%
BRC	13.8	52.5	4.5%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TPB	36.6	8,022.4	-7.0%
HVX	5.3	23.8	-7.0%
DXG	21.3	15,302.4	-7.0%
VNE	7.6	1,154.9	-7.0%
ABS	24.7	370.5	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	48.0	2,448.4	-6.3%
VPB	71.0	2,399.0	-2.3%
CTG	48.5	1,376.7	-6.9%
TCB	54.0	1,305.4	-6.9%
STB	30.4	1,241.7	-6.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	48.0	48,216.3	-6.3%
STB	30.4	38,579.9	-6.9%
VPB	71.0	33,237.0	-2.3%
FLC	11.9	28,635.8	-3.3%
CTG	48.5	26,528.5	-6.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VNT	50.8	1.4	10.0%
PTI	37.7	43.3	9.9%
VFG	52.2	0.1	9.9%
SDU	8.9	0.1	9.9%
BII	7.8	4,426.4	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
APS	14.4	2,889.6	-10.0%
TVB	14.4	1,209.0	-10.0%
ART	9.1	4,909.4	-9.9%
TVD	9.1	389.9	-9.9%
VND	42.8	8,253.3	-9.9%

Top 5 giá trị

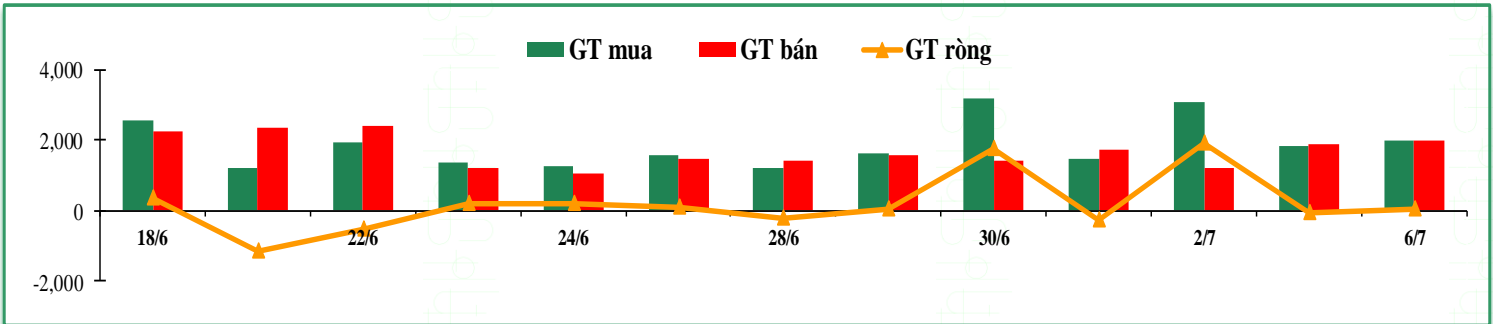
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.9	1,178.1	-0.3%
SHS	41.4	446.9	-9.8%
PVS	25.0	442.1	-7.4%
VND	42.8	383.3	-9.9%
NVB	19.6	155.4	-6.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.9	38,655.7	-0.3%
PVS	25.0	16,449.7	-7.4%
SHS	41.4	9,976.9	-9.8%
VND	42.8	8,253.3	-9.9%
NVB	19.6	7,438.1	-6.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	2,026.2	7.1%	1,979.7	6.9%	46.5
HNX	32.3	0.8%	46.0	1.1%	-13.6
Tổng số	2,058.5		2,025.6		32.9



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	155.0	344.3	-6.9%
HPG	48.0	115.1	-6.3%
FPT	87.0	107.7	-6.1%
VHM	110.3	104.3	-6.9%
VIC	112.0	99.5	-2.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	155.0	344.3	-6.9%
HPG	48.0	230.6	-6.3%
VNM	87.0	107.8	-2.5%
FPT	87.0	107.4	-6.1%
VIC	112.0	97.1	-2.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	110.3	86.4	-6.9%
VCB	112.0	76.0	-1.4%
MBB	40.1	61.7	-7.0%
MSN	109.0	54.2	-2.3%
HDB	35.0	28.2	-6.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	29.6	8.8	-9.8%
THD	204.0	7.0	-1.4%
VCS	108.0	3.0	-3.6%
SHB	29.9	2.5	-0.3%
TVB	14.4	2.2	-10.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.8	37.0	-9.9%
BVS	29.6	2.0	-9.8%
SHB	29.9	1.7	-0.3%
SHS	41.4	1.0	-9.8%
PAN	24.2	0.6	-9.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	204.0	7.0	-1.4%
BVS	29.6	6.8	-9.8%
VCS	108.0	2.6	-3.6%
TVB	14.4	2.1	-10.0%
PAN	24.2	0.9	-9.0%

Tin trong nước

Pyn Elite Fund hạ tỷ trọng cổ phiếu ngân hàng, gia tăng nắm giữ VHM trong tháng 6

Pyn Elite Fund vừa công bố báo cáo hoạt động tháng 6 với nhiều điểm đáng chú ý. Cụ thể, trong tháng 6, hiệu suất danh mục Pyn Elite Fund tăng 6,1%, được hỗ trợ bởi một số mã cổ phiếu như VHM, MBB, VEA và VRE.

Tính tới cuối tháng 6 vừa qua, quy mô danh mục Pyn Elite Fund đạt 742,5 triệu Euro (khoảng 882 triệu USD). Trong đó, VHM vẫn ở vị trí đầu danh mục với tỷ trọng 16% (118,8 triệu Euro), cao hơn mức 13,8% (96,6 triệu Euro) trong tháng trước.

Ở chiều ngược lại, Pyn Elite Fund đã đồng loạt giảm bớt tỷ trọng các mã cổ phiếu ngân hàng trong tháng 6, trong đó, giảm mạnh nhất là CTG khi rớt từ vị trí số 5 trong tháng 5 (tỷ trọng 9,3%, tương ứng 65,1 triệu Euro) xuống vị trí thứ 8 trong tháng 6 (tỷ trọng 7,2%, tương ứng 53,5 triệu Euro).

Về vĩ mô, Pyn Elite Fund đánh giá GDP 6 tháng đầu năm tăng 5,64% nhưng chỉ số PMI giảm mạnh xuống 44,1 do các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt ở nhiều tỉnh thành, bao gồm cả Thành phố Hồ Chí Minh. Về mặt tích cực, CPI bình quân 6 tháng ở mức 1,47% - mức thấp nhất kể từ năm 2016, nguồn vốn FDI vẫn gia tăng và việc giải ngân được thúc đẩy mạnh.

Nhà đầu tư nội mở kỷ lục hơn 620 nghìn tài khoản chứng khoán sau 6 tháng đầu năm, lớn hơn tổng lượng tài khoản năm 2020 và 2019 cộng lại

Số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cho biết trong tháng 6, nhà đầu tư trong nước đã mở mới 140.193 tài khoản chứng khoán. So với tháng trước đó, số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới tăng thêm hơn khoảng 26.500 tài khoản và đây là con số kỷ lục từ trước tới nay.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, nhà đầu tư trong nước mở mới 620.683 tài khoản chứng khoán, vượt 58% số lượng tài khoản mở mới trong cả năm 2020 (393.659 tài khoản mở mới trong năm 2020). Thậm chí, số tài khoản mở mới trong 6 tháng đầu năm 2021 còn lớn hơn tổng tài khoản mở mới trong cả năm 2020 và năm 2019 cộng lại.

Tính tới cuối tháng 6, tổng số tài khoản chứng khoán nhà đầu tư trong nước hiện đạt hơn 3,39 triệu, tương đương khoảng 3,5% dân số.

Nguồn: NDH, Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sản lượng bán hàng của Hòa Phát giảm 3 tháng liên tiếp, đạt gần 4,3 triệu tấn thép các loại trong 6 tháng

Tháng 6/2021, sản lượng sản xuất thép thô của Tập đoàn Hòa Phát là 658.000 tấn, tăng 49% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt 569.000 tấn.

Lũy kế 6 tháng, Tập đoàn Hòa Phát sản xuất hơn 4 triệu tấn thép thô, tăng 55% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt gần 4,3 triệu tấn. Thép xây dựng đạt 1,8 triệu tấn, tăng 22%. Lượng phôi thép phục vụ thị trường trong và ngoài nước là 608.000 tấn.

Qua 6 tháng, sản lượng thép cuộn cán nóng vượt 1,3 triệu tấn, tương ứng 50% kế hoạch năm. Ống thép ghi nhận 375.000 tấn, tăng 8%.

Sản lượng tôn mạ của Hòa Phát ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ nhất, đạt gần 160.000 tấn, cao gấp 2,8 lần so với cùng kỳ.

Cảng Đồng Nai chốt quyền trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền tỷ lệ 20%

HĐQT Cảng Đồng Nai (HoSE:PDN) thông qua 21/7 là ngày chốt danh sách cổ đông được trả cổ tức đợt cuối năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 20%. Thời gian tiến hành thanh toán cổ tức là 30/7.

Với hơn 18,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, tổng số tiền dự chi đợt này khoảng 37 tỷ đồng. Vào tháng 3, doanh nghiệp đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%, tương đương 27,7 tỷ đồng.

Hiện cổ đông lớn nhất của Cảng Đồng Nai là công ty mẹ Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) với 51% vốn. Như vậy, Sonadezi sẽ nhận được gần 19 tỷ đồng từ đợt trả cổ tức lần 2 năm 2020 này.

Năm nay, Cảng Đồng Nai đặt mục tiêu doanh thu 820 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 182 tỷ đồng, lần lượt tăng 2,05% và 2,8%% so với thực hiện năm trước. Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến là 35%.

Nguồn: Cafef, NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VCS	Chốt lời	07/07/21	108	103.7	4.1%	122	17.6%	97.8	-5.7%	Tín hiệu suy yếu
2	HPG	Cắt lỗ	07/07/21	48	52.4	-8.4%	60	14.5%	49.8	-5.0%	Chạm cắt lỗ
3	PLX	Cắt lỗ	07/07/21	51.7	55.5	-6.8%	60	8.1%	54	-2.7%	Chạm cắt lỗ
4	VNM	Cắt lỗ	07/07/21	87	92.1	-5.5%	101.5	10.2%	88.6	-3.8%	Chạm cắt lỗ

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DCM	Quan sát mua	07/07/21	18.95	19.5-20	Nhịp giảm ko quá xấu với vol thấp + đang về lại gần vùng hỗ trợ quanh 18 -> khả năng có thể sắp có nhịp hồi t+
2	CTR	Quan sát mua	07/07/21	71.5	76.5-78	Mạnh tương đối so với thị trường khi ko giảm nhiều kèm vol thấp + còn giữ được trên vùng hỗ trợ 70-71 -> có cơ hội tăng về đỉnh cũ nếu thị trường hồi phục trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TLH	Mua	29/06/21	17.65	17.8	-0.8%	20.25	13.8%	16.7	-6%	
2	CNG	Mua	30/06/21	25.5	24.2	5.4%	26.5	9.5%	23.5	-3%	
3	FRT	Mua	02/07/21	27.35	27.55	-0.7%	32.5	18%	26.4	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 06/07/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	1,000	3,150	-1.6%	215%	4,110	78	35,000	1,052	(2,098)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	8,000	-1.2%	662%	2,170	78	48,000	4,720	(3,280)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	3,000	15,000	-4.5%	400%	11,380	34	48,000	11,454	(3,546)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,500	0.0%	205%	5,590	52	48,000	7,468	(5,032)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,240	-7.8%	226%	15,710	37	48,000	1,202	(3,038)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,170	-7.7%	248%	26,170	37	48,000	1,185	(2,985)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,370	-6.1%	111%	23,360	41	36,100	3,142	(228)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,530	-12.2%	153%	2,490	78	36,100	1,320	(1,210)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	4,700	-13.0%	68%	7,180	38	36,100	4,385	(315)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	1,200	2,870	0.4%	139%	7,950	37	40,100	570	(2,300)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,250	-0.9%	114%	6,180	78	109,000	540	(1,710)	KIS	MSN	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,150	2.4%	115%	5,120	78	109,000	156	(1,994)	KIS	MSN	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,010	-0.4%	67%	14,800	38	109,000	3,719	(1,291)	MBS	MSN	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2102	3,000	9,140	3.9%	205%	42,940	27	155,000	7,038	(2,102)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2104	2,400	6,900	-4.2%	188%	10,350	(106)	155,000	(36)	(6,936)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	5,000	1.0%	69%	25,200	52	155,000	2,988	(2,012)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,260	-2.6%	426%	19,630	78	117,000	5,164	(96)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,320	-4.9%	202%	43,560	83	117,000	1,934	(1,386)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,820	-6.1%	247%	13,550	52	94,400	1,211	(2,609)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,430	-4.1%	303%	4,990	83	94,400	1,368	(3,062)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2102	2,000	5,100	2.2%	155%	11,710	27	99,600	4,099	(1,001)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CSBT2101	1,100	2,240	-3.9%	104%	2,990	78	19,200	0	(2,240)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,210	-2.8%	521%	9,560	78	30,350	4,225	(1,985)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,100	-6.5%	407%	24,690	34	30,350	6,193	(907)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,010	-10.6%	150%	9,860	52	30,350	7,520	(2,490)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2012	5,400	33,980	-5.6%	529%	6,140	24	54,000	32,031	(1,949)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	25,980	-7.2%	420%	11,890	91	54,000	23,165	(2,815)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	2,900	9,600	-16.4%	231%	30,170	34	54,000	9,285	(315)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,800	-6.0%	290%	11,590	52	54,000	4,170	(3,630)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	750	-14.8%	-53%	36,230	41	20,600	0	(750)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	1,680	-11.6%	68%	9,270	78	20,600	11	(1,669)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	920	-16.4%	-67%	23,930	38	20,600	0	(920)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	770	-17.2%	-36%	44,110	37	20,600	(0)	(770)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,040	-14.3%	85%	8,420	78	110,300	332	(1,708)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,600	2,620	-8.4%	64%	10,630	34	110,300	1,250	(1,370)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,800	-0.7%	87%	27,360	38	110,300	646	(2,154)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	2,860	-9.8%	120%	25,510	37	110,300	2	(2,858)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	1,650	-15.4%	65%	12,010	78	112,000	5	(1,645)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	1,520	-14.6%	38%	13,540	83	112,000	0	(1,520)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,420	-17.9%	29%	8,400	78	87,000	0	(1,420)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	1,480	1,920	-12.3%	30%	5,710	69	87,000	0	(1,920)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,280	-14.7%	16%	34,630	83	87,000	0	(1,280)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	46,360	-1.3%	728%	2,990	24	71,000	45,037	(1,323)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2103	2,700	17,400	-0.6%	544%	30,010	34	71,000	17,286	(114)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	10,000	-3.9%	300%	4,610	52	71,000	7,383	(2,617)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	3,810	-15.3%	-24%	34,350	24	29,500	2,039	(1,771)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	1,780	-6.3%	48%	4,330	78	29,500	5	(1,775)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	1,300	920	-11.5%	-29%	34,910	34	29,500	1	(919)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	1,250	-18.8%	-58%	13,700	38	29,500	0	(1,250)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
GVR	(New) HOSE	33,800	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	6%
HPG	(New) HOSE	48,000	64,800	02/07/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4	5%
TPB	(New) HOSE	36,550	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New) HOSE	61,000	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New) HOSE	36,100	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New) HOSE	35,000	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	HOSE	41,400	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	HOSE	17,300	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	HOSE	37,800	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	HOSE	29,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	HOSE	110,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR	HOSE	50,600	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
KBC	HOSE	35,700	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE	HOSE	52,500	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV	HOSE	29,700	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC	HOSE	40,400	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC	HOSE	36,200	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC	UPCOM	38,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP	HOSE	75,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG	HOSE	94,800	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	27,350	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	127,500	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	HOSE	99,600	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	155,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	164,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	109,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	87,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	88,700	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

STK		HOSE	39,800	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	117,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	112,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	36,000	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	54,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,500	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,400	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	61,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	87,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	16,800	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,850	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	75,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	51,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,200	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	85,800	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	60,100	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	20,500	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	62,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	18,900	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	45,400	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	71,500	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,450	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.